

Điểm	Lời phê của thầy (cô) giáo

I. Phần trắc nghiệm: (7 điểm) Khoanh tròn vào ý em cho là đúng.

Câu 1: (0,5 đ) Chúng ta chỉ nên dùng thuốc khi: (M1)

- A. Khi thời tiết thay đổi, cảm thấy mệt mỏi trong cơ thể.
 B. Khi cần thiết, đúng thuốc, đúng cách, đúng liều lượng và dùng thuốc theo chỉ định của bác sĩ.
 C. Khi thấy người không được khỏe là dùng thuốc .
 D. Tùy sở thích của mỗi người.

Câu 2: (0,5 đ) Trẻ em do ai sinh ra? (M1)

- A. Bố B. Mẹ C. Cả bố và mẹ. D. Do người khác sinh ra.

Câu 3: (1 đ) Tuổi dậy thì ở vào các giai đoạn sau: (M2)

Đúng ghi Đ sai ghi S

- A. Con trai khoảng từ 11 đến 17 tuổi. B. Con gái khoảng từ 9 đến 15 tuổi.
 C. Con gái khoảng từ 10 đến 15 tuổi. D. Con trai khoảng từ 13 đến 17 tuổi.

Câu 4: (0,5đ) Nên làm gì để phòng bệnh viêm gan A? (M3)

- A. Ăn chín; uống nước đã đun sôi; Rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi đại tiện.
 B. Uống nước đã đun sôi.
 C. Rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi đại tiện.
 D. Lây qua đường tiêu hóa.

Câu 5: (1 đ) Bệnh nào dưới đây không lây do muỗi truyền? (M3)

- A. Sốt rét B. Viêm gan A C. Sốt xuất huyết D. Viêm não

Câu 6: (0,5 đ) Người bị bệnh viêm gan A thường có triệu chứng gì?(M1)

- A. Sốt kèm phát ban. B. Sốt nhẹ, đau ở vùng bụng bên phải, gầy gao, chán ăn.
 C. Đau nhức cả người, rét run. D. Do vi rút gây ra.

Câu 7: (0,75 đ) Cao su có những tính chất gì ? (M2)

- A. Cao su có tính đàn hồi tốt; ít biến đổi khi gặp nóng, lạnh; cách nhiệt, cách điện; không tan trong nước, tan trong một số chất lỏng khác.
- B. Cao su có tính đàn hồi tốt, ít biến đổi khi gặp nóng, lạnh.
- C. Cách nhiệt, cách điện, không tan trong nước, tan trong một số chất lỏng khác
- D. Cao su cách nhiệt, cách điện, tan trong nước.

Câu 8: (1 đ) Nối ô ở cột A với ô ở cột B để hoàn thành tính chất của một số kim loại và hợp kim: (M3)

Sắt	Màu trắng bạc, có ánh kim, có thể dát mỏng, kéo thành sợi, không bị gỉ, có tính dẫn nhiệt, dẫn điện tốt.
Gang	Có màu đỏ nâu, có ánh kim, dẫn điện và dẫn nhiệt tốt, bền, dễ dát mỏng, dễ kéo thành sợi.
Đồng	Màu trắng xám, có ánh kim, có tính dẻo, dễ uốn, dễ kéo thành sợi.
nhôm	Cứng, giòn, không thể uốn hay kéo thành sợi.

Câu 9 (0,75 đ) Vật liệu dùng để làm lốp ô tô, xe máy là:(M2)

- A. Tơ sợi.
- B . Chất dẻo.
- C. Chất nhựa.
- D. Cao su.

Câu10: (1đ) Em và gia đình làm gì để phòng bệnh sốt xuất huyết? (M2)

Câu 11(1đ) Em hãy kể các giai đoạn phát triển của con người từ lúc mới sinh đến tuổi dậy thì? Nêu đặc điểm của tuổi dậy thì? (M3)

Các giai đoạn phát triển của con người từ lúc mới sinh đến tuổi dậy thì là:

-
-
-

Đặc điểm ở tuổi dậy thì :

Câu 12: (1đ) Em cần làm gì để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khỏe ở tuổi dậy thì? (M4)

I. Phần trắc nghiệm: (6 điểm).

Câu	1	2	4	5	6	7	9
Ý đúng	B	C	A	B	B	A	D
Điểm	0,5	0,5	1	1	0,5	0,75	0,75

Câu 3: (1 đ) Tuổi dậy thì ở vào các giai đoạn sau: (M2)

Đúng ghi Đ sai ghi S

A. Con trai khoảng từ 11 đến 17 tuổi.

S

B. Con gái khoảng từ 9 đến 15 tuổi.

S

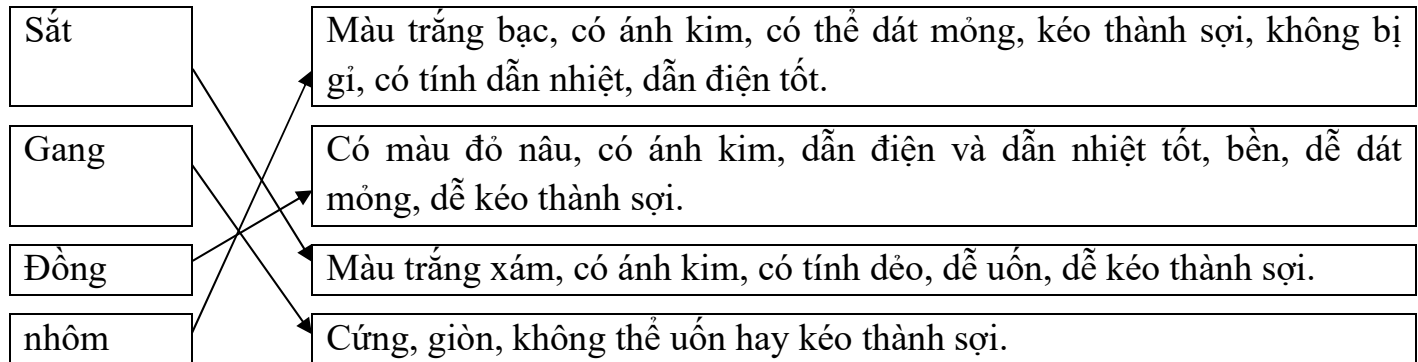
C. Con gái khoảng từ 10 đến 15 tuổi.

Đ

D. Con trai khoảng từ 13 đến 17 tuổi.

Đ

Câu 8: (1 đ) Nối ô ở cột A với ô ở cột B để hoàn thành tính chất của một số kim loại và hợp kim: (M2)



II. Phần tự luận: (4 điểm).

Câu 10: (1 điểm) Em và gia đình làm gì để phòng bệnh sốt xuất huyết? (M2)

Để phòng bệnh sốt xuất huyết cần giữ vệ sinh nhà ở và môi trường xung quanh sạch sẽ, diệt muỗi, diệt bọ gậy và tránh bị muỗi đốt.

Câu 11: (1 điểm)

- Giai đoạn dưới 3 tuổi(0,25đ)

- Giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi(0,25đ)

- Giai đoạn từ 6 đến 10 tuổi(0,25đ)

* Đặc điểm tuổi dậy thì: cơ thể phát triển cao cả về chiều cao và cân nặng. Cơ quan sinh dục bắt đầu phát triển, con gái xuất hiện kinh nguyệt, con trai có hiện tượng xuất tinh(0,25đ)

Câu 12: (1điểm) Để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khỏe ở tuổi dậy thì em cần:

- Thường xuyên tắm giặt, gội đầu, thay quần áo. (0,2 điểm)

- Thường xuyên thay quần lót, tắm rửa bằng xà phòng tắm hằng ngày. (0,2 điểm)

- Khi hành kinh cần thay băng vệ sinh ít nhất 4 lần trong 1 ngày. (0,2 điểm)

- Tăng cường luyện tập thể dục, thể thao. (0,2 điểm)

- Không sử dụng chất kích thích, chất gây nghiện. (0,2 điểm)

.....

MA TRẬN ĐỀ CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN KHOA HỌC LỚP 5

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
1. Sự sinh sản và phát triển của cơ thể người	Số câu	1		1			1		1	2	2
	Câu số	2		3			11		12		
	Số điểm	0,5đ		0,5đ			2đ		1đ	1đ	3đ
2. Vệ sinh phòng bệnh	Số câu	1		1	1	1				3	1
	Câu số	6		5	10	4					
	Số điểm	0,5đ		0,5đ	1đ	0,5đ				1,5đ	1đ
3. An toàn trong cuộc sống	Số câu	1								1	
	Câu số	1									
	Số điểm	0,5đ								0,5đ	
4. Đặc điểm và công dụng của một số vật liệu thường dùng	Số câu			2		1				3	
	Câu số			7 và 9		8				3đ	
	Số điểm			2đ		1đ					
Tổng	Số câu	3		4	1	2	1		1	9	3
	Số điểm	1,5đ		3đ	1đ	1,5đ	2đ		1đ	6	4